

Bản án số: 29/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 02 - 4 - 2024

Về việc Hôn nhân gia đình

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hiền

- Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thái Linh

Ông Bùi Văn Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Minh Hiền - Thư ký tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 05/2024/TLST- HNGĐ ngày 05/01/2024; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 21/2024/QĐXX-ST ngày 01/3/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2024/QĐ- ST ngày 15/3/2024; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Quỳnh L; Sinh năm 1998.

Nơi ĐKNKTT: Thôn T, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh

- Bị đơn: Anh Võ Văn K; sinh năm 1988

Nơi ĐKNKTT trước khi xuất cảnh: Thôn T, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện đang lao động tại Hàn Quốc.

(Các đương sự xin xét xử vắng mặt)

Người được ủy quyền giao nhận tài liệu tố tụng: Ông Võ K1; Địa chỉ: Thôn S, xã K, huyện K, Hà Tĩnh (bố anh Võ Văn K)

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, chị Nguyễn Thị Quỳnh L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Võ Văn K đăng ký kết hôn vào ngày 16/3/2017 tại UBND xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh. Hôn nhân được hình thành trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Cuộc sống chung sau khi cưới hạnh phúc và có 1 con chung. Đến năm 2017, vợ chồng bàn bạc để chồng đi lao động tại Hàn Quốc. Thời gian đầu sau khi anh K sang Hàn Quốc thì vợ chồng vẫn liên lạc với nhau bình thường nhưng đến năm 2018 hai vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu

thuần, không tin tưởng nhau nên thường xảy cãi vã, xúc phạm nhau và cắt đứt liên lạc từ đó đến nay. Chị biết anh K vẫn gọi điện về cho bố mẹ anh ở xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện tại chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Võ Văn K.

- Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Võ An K2, sinh ngày 29/5/2017. Chị có nguyện vọng được nuôi con sau khi ly hôn, việc cấp dưỡng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị L trình bày không biết địa chỉ cụ thể của anh Võ Văn K tại Hàn Quốc, chị đề nghị Tòa án thu thập địa chỉ của anh K qua gia đình anh.

Bị đơn anh Võ Văn K hiện đang sinh sống làm việc tại Hàn Quốc. Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình anh Võ Văn K, gặp bố anh là ông Võ K1; Địa chỉ: Thôn S, xã K, huyện K, Hà Tĩnh; Tòa án đã yêu cầu gia đình gọi điện (ghi âm, ghi hình) qua tài khoản mạng xã hội với anh Võ Văn K có sự chứng kiến của chính quyền địa phương, nội dung anh K trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Về thời điểm, điều kiện kết hôn, hôn nhân hợp pháp và mâu thuẫn vợ chồng như chị L khai là đúng. Anh chị kết hôn tự nguyện, hợp pháp. Sau khi cưới một thời gian anh sang Hàn Quốc làm việc. Từ năm 2018 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và từ đó không còn liên lạc với nhau nữa. Thông qua gia đình anh đã biết việc chị L làm đơn xin ly hôn, anh xét thấy vợ chồng sống ly thân đã lâu, không còn tình cảm với nhau nên anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Võ An K2, sinh ngày 29/5/2017. Hiện con đang ở với chị L nên anh đồng ý giao con cho chị L chăm sóc nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên anh cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện anh đang sinh sống làm việc tại Hàn Quốc không thể về Việt Nam để giải quyết ly hôn nên anh đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, anh ủy quyền cho bố anh là ông Võ K1; Địa chỉ: Thôn S, xã K, huyện K, Hà Tĩnh nhận các văn bản tố tụng của Tòa án. Ông Võ K1 nhất trí với sự ủy quyền nhận tài liệu của anh Võ Văn K.

Đại diện VKSND tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và các đương sự đã phân tích nội dung vụ việc, các vấn đề đương sự đã thỏa thuận thống nhất được với nhau đã đề nghị Tòa án áp dụng Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83; 123, 127 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điều 37, điều 39, Điều 464, điều 469 BLTTDS; Đoạn 2 điểm b tiêu mục 2.1, mục 2 phần II Nghị quyết 01/2003/NQ-HĐTP ngày 16/4/2003 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Công văn số 253/TANDTC - PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao tuyên xử:

- Chị Nguyễn Thị Quỳnh L ly hôn anh Võ Văn K.

- Giao con chung là Võ An K2, sinh ngày 29/5/2017 cho chị Nguyễn Thị Quỳnh L chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Áp dụng Điều 143; khoản 4 Điều 147; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Buộc chị Nguyễn Thị Quỳnh L phải chịu **300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.**

### *NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ*

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Võ Văn K có hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã K, huyện K, Hà Tĩnh, hiện đang sống và làm việc tại Hàn Quốc. Theo công văn số 5666/QLXNC- P3 ngày 20/3/2024 của Cục Q thì anh Võ Văn K đã xuất nhập cảnh 11 lần và lần xuất cảnh gần đây nhất là năm 2019, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã thụ lý vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định tại Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tuy anh K thường xuyên liên lạc với gia đình nhưng gia đình anh không cung cấp cho Tòa án địa chỉ của anh đang cư trú. Vì vậy, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục bị đơn cố tình giấu địa chỉ theo hướng dẫn tại Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn giải quyết các vụ án có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài. Quá trình xác minh ông Võ Kỳ b đề anh K đồng ý nhận ủy quyền của anh để nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và nhận trách nhiệm thông báo cho anh biết. Chị Nguyễn Thị Quỳnh L có đơn xin được xét xử vắng mặt, căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt anh K, chị L theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Quỳnh L và anh Võ Văn K được hình thành cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn hợp pháp ngày 16/3/2017 tại UBND xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh là đúng với quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, mâu thuẫn phát sinh từ sau khi anh K đi lao động tại Hàn Quốc. Từ năm 2019 đến nay anh K chưa về nước lần nào, vợ chồng đã cắt đứt liên lạc, không quan tâm đến nhau. Do vợ chồng sống mỗi người một nơi, không có điều kiện gần gũi, chăm sóc nhau nên phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hòa giải được. Hiện tại, chị L xét thấy không còn tình cảm với anh K và không mong muốn tiếp tục duy trì mối quan hệ vợ chồng nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Anh K cũng thừa nhận vợ chồng không còn tình cảm nên anh chị L xin ly hôn anh đồng ý.

Mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc, các thành viên gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn

nhau...nhưng cuộc hôn nhân của chị L và anh K không đạt được mục đích đó. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Võ An K2, sinh ngày 29/5/2017. Anh chị đều thống nhất giao con cho chị L chăm sóc nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy sự thỏa thuận này của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Tòa án chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Quỳnh L tự nguyện **chịu** 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vi các lẽ trên,

### QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 51; 56; 57; 81; 82; 83; 123; 127 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Mục 2 phần II Nghị quyết 01/2003/NQ-HĐTP ngày 16/4/2003 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Công văn số 253/TANDTC -PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao; Điều 28; Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 273; Điều 469; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

Chấp nhận yêu cầu **khởi kiện của chị** Nguyễn Thị Quỳnh L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Quỳnh L **ly hôn anh** Võ Văn K.

2. Về con chung: Giao 01 con chung là Võ An K2, sinh ngày 29/5/2017 cho chị Nguyễn Thị Quỳnh L chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi, việc cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Võ Văn K có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

**3. Về án phí:** Chị Nguyễn Thị Quỳnh L phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000761 ngày 05/01/2024 tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Hà Tĩnh.

**Về quyền kháng cáo:** Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn và bị đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án (hoặc ngày niêm yết công khai bản án theo quy định pháp luật).

*Nơi nhận:*

- TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THSDS tỉnh Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
  - UBND xã Kỳ Tiến;
  - Lưu HSPA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

